| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT
Ngày 29-01-2019
Về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦNGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

***- Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân qu ận H, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 243/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Duy A; nơi cư trú: Số 2A/7/51 đường P, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Phương T; nơi cư trú: Số 60C, khu K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú hiện nay: Số 41 đường V, khu L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Anh Lê Duy A là nguyên đơn.

2. Chị Lê Thị Phương T là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn là anh Lê Duy A trình bày:*

Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 4 năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Năm 2006, anh phải đi công tác xa, ở nhà chị T không quan tâm gia đình bên chồng và xảy ra mâu thuẫn với mẹ đẻ của anh, do vậy vợ chồng anh phải chuyển về An Đà sinh sống. Cuộc sống riêng tại nơi ở mới cũng không hoà thuận hạnh phúc mà mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Có thời điểm vợ chồng đã đến Toà án quận H để làm thủ tục ly hôn nhưng được Toà án hoà giải. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn là lại xảy ra mâu thuẫn, chính vì vậy anh ra ngoài thuê nhà sống ly thân. Đến tháng 5 năm 2017, anh quay về chung sống với chị T và đến tháng 11 năm 2017 vợ chồng vay tiền Ngân hàng mua nhà và chuyển về nhà số 60C, khu K, phường Đ, quận H sinh sống. Tại đây, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuân, có lần chị T còn hành hung bạo lực bóp cổ anh, không thể chịu đựng được nữa nên anh phải chuyển ra ngoài tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Duy Th, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2010. Ly hôn, anh yêu cầu giao con cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh nhận trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Lê Duy A không yêu cầu giải quyết.

*Tại đơn đề nghị ghi ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Biên bản hoà giải, chị Lê Thị Phương T trình bày:*

Vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì, mà chỉ do áp lực về kinh tế và việc chị bị sảy thai mất con thứ hai nên anh Duy A mới xin ly hôn chị. Chị xác nhận vẫn còn tình cảm và yêu thương chồng nên chị không đồng ý ly hôn. Vợ chồng có một con chung như lời khai của anh Duy A đã trình bày. Nếu ly hôn, chị nhận nuôi con và anh Duy A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Chị yêu cầu toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị có đơn khiếu nại cho rằng Toà án nhân dân quận H thụ lý vụ án là không đúng thẩm quyền vì chị đăng kí hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại nhà số 41 đường V, khu L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng nên Toà án nhân dân quận L giải quyết mới đúng thẩm quyền.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận H đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy A về việc xin ly hôn chị Lê Thị Phương T.

Về con chung và tài sản chung: Không giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, anh Lê Duy A kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị Phương T vì mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, nếu tiếp tục kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của anh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, chị Lê Thị Phương T kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng huỷ bản án sơ thẩm vì xét xử sai thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị Lê Thị Phương T có bổ sung chứng cứ là lời khai của bà Đinh Thị B, bà Bùi Thị H và xác nhận của Công an phường H, quận L, thành phố Hải Phòng về nơi cư trú của chị T.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:*

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ nguyên đơn, bị đơn, chấp hành đúng nội quy phiên toà theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 75 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu triệu tập nhân chứng: Xét thấy bị đơn yêu cầu triệu tập một số nhân chứng đã cung cấp lời khai theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân quận Hải An là không cần thiết, bởi lẽ họ đã cung cấp lời khai một cách khách quan tại cấp sơ thẩm về nơi cư trú của bị đơn, đến nay chị T cho rằng họ không khai như vậy và cung cấp một số lời khai mâu thuẫn so với cấp sơ thẩm, không phù hợp với chứng khác là các bản tự khai của chị T nên việc không triệu tập nhân chứng là đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa của bị đơn với lý do thẩm phán xét xử không khách quan là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận là phù hợp. Đối với thành phần Hội đồng xét xử có sự thay đổi thẩm

phán tham gia phiên tòa hôm nay, xét thấy các thẩm phán đã được thay đổi trước khi mở phiên tòa, đã nghiên cứu hồ sơ vụ án nên việc xét xử vụ án đảm bảo khách quan, toàn diện, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án, không tạm hoãn phiên tòa là phù hợp.

Quan điểm về việc giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của các đương sự:

*Thứ nhất*: Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận cho ly hôn:

Theo quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Trong vụ án này, anh Lê Duy A cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn. Tuy nhiên, theo lời khai mẹ anh Duy A cung cấp thì vợ chồng anh chị chưa bao giờ cãi nhau, bà đề nghị hòa giải cho các con đoàn tụ, lời khai chị T cũng trình bày vợ chồng mâu thuẫn xô xát bình thường trong cuộc sống, chưa đến mức trầm trọng chị còn yêu chồng nên đề nghị tạo điều kiện cho gia đình đoàn tụ. Ngoài ra, anh Lê Duy A không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng đến mức không thể khắc phục được.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Duy A là có căn cứ, phù hợp pháp luật, tạo điều kiên cho anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Kháng cáo của anh Lê Duy A không có căn cứ chấp nhận.

*Thứ hai*: Đối với kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân quận H xét xử trái thẩm quyền và xét xử vắng mặt chị khi chị có lý do bất khả kháng.

*Về việc xét xử vắng mặt*: Tòa án nhân dân quận H mở các phiên tòa vào các ngày 02/10/2018, ngày 17/10/2018, ngày 29/10/2018, ngày 12/11/2018 và đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng về thời gian địa điểm mở phiên tòa, đảm bảo thời gian hợp lý cho chị T sắp xếp thời gian tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, trong các lần giải quyết, chị T liên tục lấy các lý do khác nhau để đề nghị hoãn phiên tòa, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa 03 lần để chị T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã tiến hành xác minh lý do xin hoãn phiên tòa cho thấy chị T lấy lý do đi khám bệnh là không chính đáng. Phiên tòa ngày 12/11/2018, chị T tiếp tục có đơn xin hoãn vì lý do công tác tại trường, việc Tòa án tống đạt trong thời gian hợp lý chị T có đủ thời gian sắp xếp công việc này nhưng chị T cố tình trì hoãn, kéo dài, cản trở việc xét xử của Tòa án, hơn nữa các ý kiến của chị T đã được thể hiện trong hồ sơ vì vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định pháp luật.

*Về thẩm quyền xét xử*: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh Lê Duy A nộp đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 và ghi địa chỉ bị đơn là chị Lê Thị Phương T hiện đang cư

trú là số 60C K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 06/3/2018, ông Đặng Quốc Tr là cảnh sát khu vực cung cấp "Chị Lê Thị Phương T hiện đang cư trú tại số nhà 60C K, phường Đ, quận h thành phố Hải Phòng từ tháng 11/2017 đến nay, nhưng chưa đăng ký tạm trú". Tại các bản tự khai ngày 19/3/2018 (Bút lục 38) và 19/4/2018 (Bút lục số 57) và tại biên bàn hòa giải, công khai chứng cứ ngày 14/4/2018 chị T tự trình bày về nơi ở hiện tại là số nhà 60C K, phường Đ. Tại các biên bản xác minh tiếp theo, ông Đặng Quốc Tr - cảnh sát khu vực, ông Đinh Văn Ph - Tổ phó tổ dân phố K, bà Đinh Thị B - hàng xóm đều xác định vợ chồng chị T mua nhà và sinh sống tại số 60 K từ khoảng tháng 11 đến tháng 4/2018. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tại thời điểm anh Lê Duy A nộp đơn khởi kiện, chị T vẫn đang cư trú tại nhà số 60C K, phường Đ, quận H thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T cung cấp một số lời khai được xác định là của các nhân chứng, trong đó những người này đã thay đổi lời khai về những nội dung đã cung cấp trước đây tại cấp sơ thẩm là không có căn cứ, có mâu thuẫn với các chứng cứ khác nên không có cơ sở để chấp nhận. Theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ thì Tòa án nơi cư trú của bị đơn có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Nên Tòa án nhân dân quận H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, tại phần xác định thẩm quyền bản án sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 39 (nơi có bất động sản) để xác định thẩm quyền giải quyết là chưa chính xác.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T giao nộp 02 bản xác nhận, trong đó: Công an phường Đ, quận N xác nhận ngày 25/10/2018 thể hiện chị T đăng ký tạm trú tại số 21B/37 An Đà từ tháng 6/2011 đến 11/2017; Công an phường H xác nhận ngày 30/8/2018 thể hiện chị T có đăng ký thường trú tại số 41 đường V, phường H, quận L, hiện thường xuyên sinh sống tại địa chỉ trên. Như vậy, tài liệu không đủ căn cứ xác định chị T thường xuyên sinh sống tại các địa chỉ trên tại thời điểm anh Lê Duy A khởi kiện, kháng cáo của chị Lê Thị Phương T về thẩm quyền giải quyết là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cho thấy Tòa án nhân dân quận H xét xử vắng mặt bị đơn, xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xác định thẩm quyền xét xử là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; giữ nguyên các quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm; các đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Phương T về thẩm quyền giải quyết: Ngày 05 tháng 3 năm 2018, Toà án nhân dân quận H nhận được đơn khởi kiện vụ án hôn

nhân và gia đình đề ngày 27 tháng 02 năm 2018 của anh Lê Duy A. Sau khi nhận được đơn khởi kiện, ngày 06 tháng 3 năm 2018, Toà án nhân dân quận H đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn là chị Lê Thị Phương T có hộ khẩu thường trú tại Lô 41 đường V, L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng và hiện đang cư trú tại số 60C, K, phường Đ, quận h thành phố Hải Phòng từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Như vậy, trước khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân quận Hải An đã xác minh làm rõ thẩm quyền giải quyết vụ án cho thấy tại thời điểm anh Duy A khởi kiện, chị T có vẫn đang sinh sống tại quận H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Toà án được xác định như sau: "a. Toà án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân". Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, tại bản tự khai ngày 19 tháng 3 năm 2018 và bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2018, chị T vẫn ghi địa chỉ của chị ở tại số nhà 60C, K, phường Đ, quận h thành phố Hải Phòng. Chị T và anh Duy đều khai ngoài nhà tại số 60C K, phường Đ, quận h anh chị không còn ngôi nhà nào khác, nhà tại An Đà và nhà số 41 đường V, khu L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng là nhà của bố mẹ đẻ của chị. Cũng như tại Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11 tháng 4 năm 2018, chị T có mặt, tại các biên bản này thể hiện địa chỉ của chị T tại số 60C K, phường Đ, quận h thành phố Hải Phòng nhưng chị không có ý kiến về việc tiếp cận chứng cứ nêu trên mà đến ngày 30 tháng 5 năm 2018 chị T mới khiếu nại về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T khai vợ chồng chị mua nhà số 60C, K, phường Đ, quận h thành phố Hải Phòng từ tháng 11 năm 2017, vợ chồng đã về nhập trạch đến cuối tháng 11 năm 2017 vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên tháng 12 năm 2017 anh Duy A bỏ ra ngoài sinh sống nên chị cũng về nhà mẹ đẻ ở đó nhưng ngày mùng một, hôm rằm chị vẫn về nhà dọn nhà, thắp hương. Đối với các tài liệu chứng cứ, chị T giao nộp cho cấp phúc thẩm thấy lời khai của họ mâu thuẫn với lời khai của chị T tại các bản tự khai ngày 19 tháng 3 năm 2018 và ngày 19 tháng 4 năm 2018 và cũng mâu thuẫn với chính lời khai của họ có trong hồ sơ vụ án. Đối với tài liệu của cảnh sát khu vực phường Hồ Nam xác nhận chị T thường xuyên sinh sống tại số 41 đường Ven Hồ, Lâm Tường, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng nhưng tài liệu này không phù hợp với các tài liệu khác, mâu thuẫn với chính lời khai của chị T tại các bản tự khai như phân tích ở trên. Từ các tài liệu và chứng cứ như trên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định Toà án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của anh Lê Duy A là đúng thẩm quyền. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Phương T yêu cầu huỷ bản án của Toà án nhân dân quận Hải An vì sai thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Duy A về quan hệ hôn nhân: Anh Duy A trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân quận Hải An thu thập được đều không thể hiện vợ chồng anh Duy A có mâu thuẫn. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm, bà Đào Thị Tâm là mẹ đẻ của anh Duy A có xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh Duy A và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn và chị T không trình bày quan điểm về nội dung

kháng cáo của anh Duy A nhưng căn cứ vào lời khai của chị T tại cấp sơ thẩm vẫn tha thiết mong vợ chồng đoàn tụ và chị đã nhận ra sai lầm, hứa sửa chữa. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy nên tạo cho chị T có cơ hội thay đổi tính cách để vợ chồng anh chị có điều kiện xây dựng hạnh phúc gia đình nên không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Duy A.

[3] Về con chung và tài sản chung: Toà án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Phương T và không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Duy A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Lê Thị Phương T và anh Lê Duy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Phương T về việc huỷ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Duy A về yêu cầu xin ly hôn chị Lê Thị Phương T.

3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy A về việc xin ly hôn chị Lê Thị Phương T.

Về con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Duy A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0016153 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh Lê Duy A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

- Anh Lê Duy A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0016684 ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh Lê Duy A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

- Chị Lê Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0016680 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị Phương T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**